

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa) được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2013-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016



Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

05-  
H/  
TY  
(KIỂM  
AS  
P.H

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>258.698.590.830</b>	<b>391.940.679.550</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>70.869.272.827</b>	<b>32.083.945.994</b>
111	1. Tiền		70.869.272.827	32.083.945.994
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>21.810.189.494</b>	<b>142.772.077.825</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	21.643.110.066	105.536.998.939
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.924.660.000	17.311.420.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5	219.803.313	20.083.658.886
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.977.383.885)	(160.000.000)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>164.172.900.215</b>	<b>215.379.482.848</b>
141	1. Hàng tồn kho		165.071.623.228	215.379.482.848
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(898.723.013)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.846.228.294</b>	<b>1.705.172.883</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.846.228.294	1.015.191.487
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	689.981.396
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>88.408.579.461</b>	<b>102.191.454.545</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>85.276.734.895</b>	<b>98.779.469.725</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	85.276.734.895	98.779.469.725
222	- Nguyên giá		364.962.039.715	362.171.174.807
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(279.685.304.820)	(263.391.705.082)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>952.719.895</b>	<b>1.437.890.214</b>
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		952.719.895	1.437.890.214
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.179.124.671</b>	<b>1.974.094.606</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.179.124.671	1.974.094.606
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>347.107.170.291</b>	<b>494.132.134.095</b>

H/S  
N  
NH  
T  
C  
5C



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		122.395.424.428	302.762.568.165
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		122.395.424.428	300.757.743.165
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	15.543.838.137	8.055.576.529
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.840.000	37.264.385
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.480.857.613	515.315.059
314	4. Phải trả người lao động		14.999.627.656	12.565.335.251
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	448.056.829	1.707.654.841
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.690.511.898	3.178.061.810
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	85.971.523.554	274.677.820.549
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		250.168.741	20.714.741
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	2.004.825.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	-	2.004.825.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		224.711.745.863	191.369.565.930
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	224.711.745.863	191.369.565.930
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		151.873.220.000	151.873.220.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.873.220.000	151.873.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.441.721.380	20.441.721.380
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		13.999.169.000	13.676.480.000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.397.635.483	5.378.144.550
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		69.007.550	5.378.144.550
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		38.328.627.933	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		347.107.170.291	494.132.134.095



Đặng Công An  
Người lập



Nguyễn Thanh Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.404.047.985.481	1.633.389.126.236
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	2.397.690.004	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.401.650.295.477	1.633.389.126.236
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.301.941.061.155	1.577.657.585.009
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.709.234.322	55.731.541.227
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.619.186.030	2.854.354.398
22	7. Chi phí tài chính	22	10.697.413.747	19.472.457.013
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.634.967.064	18.518.332.648
24	8. Chi phí bán hàng	23	14.001.262.799	13.036.788.723
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	22.211.367.955	19.066.152.237
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.418.375.851	7.010.497.652
31	11. Thu nhập khác	25	263.090.910	263.320.263
32	12. Chi phí khác	26	9.469.457.552	401.936.879
40	13. Lợi nhuận khác		(9.206.366.642)	(138.616.616)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.212.009.209	6.871.881.036
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	10.883.381.276	2.365.795.004
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>38.328.627.933</u>	<u>4.506.086.032</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.524	297



Đặng Công An  
 Người lập



Nguyễn Thanh Hùng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
 Tổng Giám đốc  
 Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		49.212.009.209	6.871.881.036
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.240.439.438	17.659.530.125
03	- Các khoản dự phòng		2.716.106.898	(269.231.897)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(501.316)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		895.606.628	(152.421.061)
06	- Chi phí lãi vay		10.634.967.064	18.518.332.648
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		81.698.627.921	42.628.090.851
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		119.834.485.842	(3.384.482.653)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		50.307.859.620	15.503.789.768
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.829.113.040	(30.633.097.179)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.036.066.872)	3.841.749.544
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.859.758.826)	(18.576.421.060)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.434.042.573)	(849.104.300)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.100.000	2.182.063.665
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(206.897.000)	(930.233.313)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		239.139.421.152	9.782.355.323
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.421.040.097)	(12.144.052.593)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.169.090.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		103.809.180	93.446.297
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.148.140.917)	(12.050.606.296)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay		815.745.637.402	1.415.906.125.950
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.006.456.759.397)	(1.437.929.957.292)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.495.332.723)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(195.206.454.718)	(22.023.831.342)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		38.784.825.517	(24.292.082.315)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		32.083.945.994	56.376.028.309
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		501.316	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>70.869.272.827</u>	<u>32.083.945.994</u>



Đặng Công An  
Người lập



Nguyễn Thanh Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

100  
C  
C  
H  
N